

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về chủ trương đầu tư

Công trình: Trường THCS Phước Quang

Hạng mục: Xây dựng nhà vệ sinh học sinh, giáo viên, nhà bảo vệ; Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh; bê tông sân nền

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 06/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Tuy Phước về quy định mức vốn dự án đầu tư công nhóm C HĐND huyện giao UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 1570/UBND-TC ngày 29/09/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các công trình thuộc lĩnh vực giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 293/TTr-PGDĐT ngày 12/10/2022 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 478/BC-PTCKH ngày 10/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chủ trương đầu tư công trình: Trường THCS Phước Quang, Hạng mục: Xây dựng nhà vệ sinh học sinh, giáo viên, nhà bảo vệ; Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh; bê tông sân nền do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện làm Chủ đầu tư, với các nội dung như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu của nhà trường, cải tạo mỹ quan môi trường xung quanh.

2. Quy mô đầu tư dự án:

2.1. Xây dựng nhà vệ sinh học sinh, giáo viên:

- Riêng nhà vệ sinh giáo viên: Tháo dỡ nhà bảo vệ, kho đã hư hỏng mất khả năng sử dụng để xây dựng.

- Công trình 01 tầng có kết cấu đơn giản, sàn thu nước mái.

- Tải trọng nhỏ đặt trên nền đất sỏi cát tương đối tốt và ổn định.
- Kết cấu móng, giằng, cột, dầm, sàn mái bằng BTCT đá 1x2 mac 250.
- Móng bó nền, xây bằng đá chẻ 15x20x25 vxm mac 100.
- Cát tôn nền tưới nước đầm chặt.
- Lớp bê tông lót đá 4x6 vxm mac 100 dày 100.
- Công trình sử dụng thép:
 - + Cốt thép $\varnothing \leq 8$ Đường thép AI có $R_a = R_a' = 2250 \text{ KG/cm}^2$.
 - + Cốt thép $\varnothing > 8$ Đường thép AII có $R_a = R_a' = 2800 \text{ KG/cm}^2$.
- Lớp BT bảo vệ thép móng dày 2,5cm, lớp BT bảo vệ cột, dầm, sàn dày 1,5cm.
- Tường xây gạch KN 8,5x13x20 mac 75 dày 130.
- Tường ngăn xây gạch KN 8,5x13x20 mac 75 dày 130.
- Lớp vữa trát tường, cột, dầm, sàn mái,... dày 1,5 cm vxm mac 75.
- Mái BTCT đá 1x2 mac 250 dày 100mm.
- Nền, hành lang, bậc cấp lát gạch ceramic 300x300 chống trượt.
- Tường ốp gạch ceramic 300x600 cao 1,5m.
- Hệ thống cửa đi, cửa sổ lật làm bằng nhôm, kính.
- Tường, cột, dầm, sàn, dạ mái bã matic, sơn 1 nước trắng 2 nước màu.
- Bắt mới hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện.

2.2. Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh:

- * Hiện trạng: Nhà vệ sinh XD đã lâu hư hỏng, nền thấp so với mặt sân.
 - Mái tôn, xà gồ đã sét mục.
 - Hệ thống cấp thoát nước cũ kỹ hư hỏng nặng.
 - Bệ xí, bệ tiểu đã cũ hư hỏng.
 - Cửa đi hư hỏng mất khả năng sử dụng.
 - Sàn mái bê tông bị thấm, chảy.
- * Cải tạo:
 - Nâng nền nhà vệ sinh cao 200, xây thêm hành lang, bậc cấp theo thiết kế.
 - Xây nâng tường cao 200, chống thấm mái.
 - Tháo bỏ bệ xí, bệ máng tiểu cũ, tháo dỡ gạch ốp trong nhà vệ sinh.
 - SXLD xà gồ mới 50x100x20x2.5, lợp mái tôn mạ kẽm dày 5dem.
 - Lát lại toàn bộ nền, hành lang, bậc cấp bằng gạch ceramic chống trượt 300x300.

- Ốp toàn bộ tường bằng gạch ceramic 300x600 cao 1,5m.
- Lắp dựng mới 04 bộ xí bệt, xây bệ tiểu nữ đặt 06 xí xôm (tiểu nữ), 06 âu tiểu nam.

- Bắt mới lại hệ thống cấp thoát nước.
- Cao chà nhám tường còn lại, bã sơn 3 nước bảo quản.

2.3. Nhà bảo vệ, bê tông nền nhà xe, lối đi:

- Nhà bảo vệ ở vị trí mới có diện tích 18m² (theo bản vẽ thiết kế).
- Móng xây đá chẻ, giằng BTCT, tường xây gạch KN dày 13cm trát 2 mặt.
- Mái lợp tôn, xà gồ U100x50x2x2.5. Trần tôn màu sồng nhỏ.
- Bắt mới hệ thống điện, quạt.

* Nhà xe hiện trạng: nền đất.

- Đổ bê tông nền nhà xe đá 1x2 mac 200 dày 100.
- Đổ bê tông nền, lối đi ra nhà vệ sinh bê tông đá 1x2 mac 200.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 1.192.991.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm chín mươi hai triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	995.239.800 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	34.295.990 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	106.003.700 đồng;
- Chi phí khác:	22.704.200 đồng;
- Chi phí dự phòng:	34.747.309 đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung năm 2022 để sửa chữa các trường học và mua sắm tài sản (thực hiện đấu thầu các gói thầu mua sắm thiết bị dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông tại Văn bản số 755/UBND-TC ngày 20/5/2022 của UBND huyện còn thừa); kinh phí mua sắm thiết bị học tập giáo dục năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022 tại Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND huyện.

6. Địa điểm thực hiện dự án: xã Phước Quang, huyện Tuy Phước.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022.

8. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn: Công trình dân dụng.

9. Hình thức đầu tư của dự án: theo Luật Đầu tư công.

Điều 2. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam